TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 3Y/TĐTKT-YT

CQ Thống kê ghi
Cơ sở số: ☐☐☐☐

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ Y TẾ

((Áp dụng cho các cơ sở y tế không thuộc danh sách điều tra mẫu thu chi)

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017	*- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;* *- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định*

Nguyên tắc điền phiếu

- Không ghi thông tin vào các ô có dấu (x)

- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, đề nghị khoanh tròn vào một mã số tương ứng câu trả lời thích hợp nhất

- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu đề nghị ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương……..…… ☐☐

Huyện/ Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh)……..……..…… ☐☐☐

Xã/ Phường/Thị trấn…….....……..……..…..…… ☐☐☐☐☐

1.Tên cơ sở……..……
(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu) ……..

Tên giao dịch *(nếu có)* ……..……..……

……..……..……..……..……

2. Địa chỉ của cơ sở:

Số nhà, đường phố, thôn ấp, bản…….....……..……

	Mã khu vực	*Số máy*
Số điện thoại :	☐☐☐☐	☐☐☐☐☐☐☐☐
Số fax :	☐☐☐☐	☐☐☐☐☐☐☐☐

Email : .....

Họ và tên người trả lời phiếu: .....

Số điện thoại liên hệ: ..... ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ

A1. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

- Họ và tên *(viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)* ……..……..……..……

- Giới tính: **1** Nam **2** Nữ Năm sinh ☐☐☐☐

CQ Thống kê ghi

- Dân tộc *(Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là " Nước ngoài"*……. ☐☐

- Quốc tịch *(Nếu có hai quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất)*…….…… ☐☐

- Trình độ chuyên môn được đào tạo *(Theo bằng/ giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)*

1 Chưa qua đào tạo	**4** Trung cấp	**7** Thạc sỹ
2 Đào tạo dưới 3 tháng	**5** Cao đẳng	**8** Tiến sỹ
3 Sơ cấp	**6** Đại học	**9** Trình độ khác

A2. Mã số thuế và mã đơn vị quan hệ ngân sách

A2.1. Mã số thuế

A2.2. Mã đơn vị quan hệ ngân sách

A3. Ngành hoạt động chính

CQ Thống kê ghi

VSIC 2007-Cấp 5

A4. Loại cơ sở

1 Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

2 Đơn vị sự nghiệp công lập

Mã loại cơ sở

CQ Thống kê ghi

2.1 Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và đầu tư vận dụng cơ chế như DN hoặc đề án thí điểm tự chủ

2.2 Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư

2.3 Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên

2.4 Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên

2.5 Đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên

2.6 Đơn vị tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ

A5. Loại hình tổ chức

1 Bệnh viện

2 Cơ sở giám định y khoa

3 Phòng khám đa khoa

4 Phòng khám chuyên khoa, bác sỹ gia đình

5 Phòng chẩn trị y học cổ truyền

6 Nhà hộ sinh

7 Trung tâm y tế cấp tỉnh/ huyện, cơ sở y tế dự phòng

8 Cơ sở chẩn đoán

9 Cơ sở dịch vụ y tế

10 Trạm y tế cấp xã và tương đương

11 Các hình thức tổ chức y tế khác

MỤC B. LAO ĐỘNG

B1. Lao động thời điểm 01/01/2016 *Người*

Trong đó: Nữ *Người*

B2. Lao động thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số
A	**B**	**1**
Tổng số	01	
Trong đó: Nữ	02	
Phân theo loại lao động		
1. Lao động thuộc biên chế hành chính, sự nghiệp	03	
2. Lao động hợp đồng *(theo NĐ số 68/2000/NĐ- CP)*	04	
3. Lao động hợp đồng dài hạn	05	
4. Lao động hợp đồng khác	06	
Phân theo nhóm tuổi		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	07	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	08	

3. Từ 46 đến 55 tuổi	09	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	10	
5. Trên 60 tuổi	11	
Phân theo trình độ chuyên môn đào tạo		
1. Chưa qua đào tạo	12	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	13	
3. Sơ cấp	14	
4. Trung cấp	15	
5. Cao đẳng	16	
6. Đại học	17	
7. Thạc sỹ	18	
8. Tiến sỹ	19	
9. Trình độ khác	20	
Phân theo lao động chuyên ngành		
1 Tiến sĩ y khoa	21	
2 Tiến sỹ dược	22	
3 Thạc sỹ y khoa	23	
4 Thạc sỹ dược	24	
5 Chuyên khoa I, II y khoa	25	
6 Chuyên khoa I, II dược	26	
7 Bác sỹ	27	
8 Dược sỹ đại học	28	
9 Cử nhân y tế công cộng	29	
10 Y sỹ	30	
11 Dược tá	31	
12 Dược sỹ trung cấp	32	
13 Điều dưỡng	33	
14 Kỹ thuật viên y	34	
15 Kỹ thuật viên dược	35	
16 Hộ sinh	36	
17 Lương y	37	
18 Trình độ khác	38	

MỤC C. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 01/01/2016
C1. Nguyên giá tài sản cố định	01		
C2. Giá trị khấu hao trong năm	02		X
C3. Giá trị khấu hao luỹ kế	03		

MỤC D. THU, CHI VÀ QUỸ LƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Giá trị
D1. Tổng thu (01=02+03+04+05)	**01**	
Chia ra		
1. Ngân sách Nhà Nước cấp	02	
2. Thu từ hoạt động của cơ sở	03	
3. Thu từ ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong ngoài nước	04	
4. Các khoản thu khác	05	
D*. Thu từ phí, lệ phí, dịch vụ theo yêu cầu trong tổng thu	**06**	
Trong đó: đơn vị được để lại sử dụng trong năm	07	
D2. Tổng chi (08=10+12+13)	**08**	
Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước	09	
1. Chi hoạt động	10	
Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước	11	
2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ	12	
3. Các khoản chi khác	13	
D3. Trích lập các quỹ	**14**	
1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	15	
2. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	16	
3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	17	
D4. Tổng thu nhập tăng thêm	**18**	
D5. Tổng quỹ lương (19= 20+21+22+23)	**19**	
1. Quỹ lương của lao động thuộc biên chế hành chính, sự nghiệp *(theo ngạch bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo*	20	
2. Quỹ lương của lao động hợp đồng (theo NĐ số 68/2000/NĐ-CP)	21	
3. Quỹ lương của lao động hợp đồng dài hạn	22	
4. Quỹ lương của lao động hợp đồng khác	23	
D6. Thu nhập bình quân người lao động/tháng	**24**	
Trong đó: Tiền lương	25	
D7. Góp vốn hoạt động liên doanh, liên kết	**26**	
D7.1 Lãi thu được từ hoạt động liên doanh liên kết	**27**	

MỤC E. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

E1. Cơ sở có sử dụng máy tính phục vụ cho công việc không (Bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)?

1 Có 2 Không → Chuyển câu E3

E2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc ☐ %

E3. Cơ sở có sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác cho công việc không *(qua máy tính, điện thoại)?*

1 Có 2 Không → Chuyển câu E5

E4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác trong công việc *(ít nhất 1 lần/tuần)* **?** ☐ %

E5. Cơ sở có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?

1 Có 2 Không

Nếu có, ghi địa chỉ truy cập: ……..

E6. Cơ sở có sử dụng Internet và mạng máy tính khác để thực hiện những công việc nào dưới đây?

(Khoanh vào các lựa chọn thích hợp)

1. Điều hành tác nghiệp

2. Gửi và nhận email

3. Tìm kiếm thông tin

4. Học tập , nghiên cứu (trao đổi thông tin, tải tài liệu, học online)

5. Giao dịch với cơ quan, tổ chức khác (Ngân hàng, Thuế, Hải quan….)

6. Hoạt động tài chính (Internet banking…….)

7. Cung cấp dịch vụ trực tuyến

8. Mục đích khác (ghi rõ)……

MỤC F. HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH

F1. Số khoa, phòng khám bệnh, giường bệnh của cơ sở có tại thời điểm 31/12/2016

1. Số phòng/ban chức năng		*Phòng*
2. Số khoa cận lâm sàng		*Khoa*
3. Số khoa lâm sàng		*Khoa*
4. Số giường bệnh thực tế		*Giường*
5. Số giường bệnh theo kế hoạch		*Giường*

F2. Số lượt người được khám, chữa bệnh trong năm 2016

1. Số lượt người được khám bệnh *(kể cả chỉ xét nghiệm hoặc chuẩn đoán hình ảnh ...)*		*Lượt người.*
2. Số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú		*Lượt người.*

….,Ngày ….tháng….năm 2017

Người trả lời phiếu	**Điều tra viên**	**Người đứng đầu cơ sở**
(Ký, ghi rõ họ tên)	- Họ và tên:…… - Điện thoại:……. - Ký tên:……..	***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***